TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:0489/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03/5/2018
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỒ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Phát
2. Ông Huỳnh Đăng Nin

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận *tham gia phiên tòa:*

Bà Ngô Thị Chất – Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 5 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1457/2017/TLST – HNGĐ ngày 27/12/2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng A, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: đường S, phường B, quận C, Tp. Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh B, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: đường N, phường E, quận N, Tp. Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai và trong biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Hồng A trình bày:

Bà Nguyễn Hồng A và ông Nguyễn Mạnh B tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 128, quyển số

01/2004 ngày 10/12/2004 tại Uỷ ban nhân dân Phường E, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, vợ, chồng bà sống tại nhà cha mẹ chồng, vợ chồng chỉ hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do cách sống không hợp nhau, không có chung quan điểm sống, chồng và gia đình chồng không tôn trọng bà. Nguyên nhân là do ông B đam mê nuôi gà, đá gà, đánh đề, cờ bạc không lo làm ăn gây ra nợ nần, mọi chi phí trong gia đình đều do bà gánh vác, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không thể hàn gắn nên dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng nặng nề, không có hạnh phúc. Nay bà A nhận thấy không còn tình cảm yêu thương với ông B, không còn sự gắn bó và quan tâm nhau, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông B.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại biên bản ghi lời khai và trong biên bản hòa giải, bị đơn ông Nguyễn Mạnh B trình bày:

Ông và bà A tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 128, quyển số 01/2004 ngày 10/12/2004 tại Uỷ ban nhân dân Phường E, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn ông B, bà A chung sống tại nhà của cha mẹ ông B, cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông không lo làm ăn, gây ra nợ nần khiến bà A phải vất vả. Ông vẫn còn thương yêu bà A và hứa sẽ thay đổi nếu bà A tha thứ cho ông. Do vậy, ông không đồng ý ly hôn và đề nghị Toà án giải quyết để vợ chồng ông đoàn tụ.

Tuy nhiên, tại biên bàn hoà giải ngày 27/3/2018, ông B không thống nhất với lời trình bày của bà A cũng như biên bản ghi lời khai trước đây của ông: ông cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn không như lời bà A nói, ông chỉ mua bán gà, do gà chết nên bị thua lỗ, do bà A bỏ ông đi nên ông buồn vì vậy có chơi đá gà nhưng giờ thì ông không chơi nữa, bà A ngoại tình với người đàn ông khác, ông có vay nợ nhưng là để ăn xài do ông không có việc làm, ông vẫn còn yêu thương vợ, ông hứa sẽ thay đổi nếu bà A tha thứ cho ông. Do vậy, ông B muốn đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến.

Tại phiên tòa: nguyên đơn, bị đơn đều khai thống nhất về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, việc đăng ký kết hôn chỉ không thống nhất về việc xin ly hôn. Theo đó:

- Ý *kiến của nguyên đơn*: Bà A xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông B.

- *Ý kiến của bị đơn*: Ông B không muốn ly hôn vì ông còn thương bà A, đề nghị được đoàn tụ gia đình.

Về con chung, nợ chung: ông B, bà A đều thống nhất là không có.

Về tài sản chung: Bà A, ông B xác định có một xe máy là tài sản chung nhưng ông, bà sẽ tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: được thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án, thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, hoà giải giải quyết vụ án, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Xét hôn nhân của bà A và ông B là hợp pháp. Quá trình sống chung vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, do đó yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung, nợ chung: Không có.

- Về tài sản chung: Bà A, ông B tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Hồng A yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Mạnh B nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do ông Nguyễn Mạnh A là bị đơn đang cư trú tại Phường E, quận N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh được pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các buổi hòa giải nhưng hòa giải không thành, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa sơ thẩm và không yêu cầu thay đổi ai trong Hội đồng xét xử nên Hội đồng quyết định xét xử vụ án.

[3] Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng A, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 128, quyển số 01/2004 ngày 10/12/2004 tại Uỷ ban nhân dân Phường E, quận N, Thành phố Hồ

Chí Minh thì hôn nhân giữa ông Nguyễn Mạnh B và bà Nguyễn Hồng A là hôn nhân hợp pháp.

Bà Nguyễn Hồng A yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Mạnh B: Xét quá trình chung sống, ông B, bà A đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà A trình bày: do ông B là người không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, ham mê đá gà, cờ bạc, gây ra nợ nần và bà A xác nhận tình cảm đối với cho ông B đến nay không còn. Ông B cho rằng vẫn còn rất yêu thương vợ nhưng không tự giác thay đổi, không lo làm ăn mà buộc bà A phải đồng ý đoàn tụ thì ông mới chịu đi làm, không tin tưởng vợ, nghi ngờ bà A có người đàn ông khác. Từ ngày 27/9/2012, ông, bà đã sống ly thân, ông B không có biện pháp tích cực nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Toà án tiến hành hoà giải, tạo điều kiện cho ông, bà đoàn tụ nhưng bà A vẫn kiên quyết xin ly hôn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông B, bà A đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A.

- Về con chung: Ông B, bà A xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Ông B, bà A tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Ông B, bà A xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bà Châu phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Hồng A.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng A được ly hôn với ông Nguyễn Mạnh B.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Hồng A, ông Nguyễn Mạnh B tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Châu chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền phí, lệ phí số AC/2012/09362 ngày 27/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, bà Châu đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Hồng A, ông Nguyễn Mạnh B có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND QPN;
- Thi hành án dân sự QPN;
- UBND P. 2, Q.Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mai Trâm